

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toán, Phường Phước Ninh,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG
THỪA THIÊN HUẾ**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 – 35

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐUBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/09/2018 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là GTH

Vốn điều lệ: 27.355.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022: 27.355.000.000 đồng

Các đơn vị trực thuộc của Công ty: Công ty có 7 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 3;
- Xí nghiệp Thi công Cầu.

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0234.3812849
- Fax : (+84) 0234.3823846

3. Ngành nghề kinh doanh chính: Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực bao gồm: hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất đá xây dựng,....

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ
Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Quý	Chủ tịch	04/01/2023	
	Thành viên	11/06/2019	04/01/2023
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Chủ tịch	28/08/2020	04/01/2023
	Thành viên	04/01/2023	
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch	28/08/2020	
Ông Trần Chính	Thành viên	11/06/2019	
Ông Phạm Văn Đức	Thành viên	11/06/2019	

4.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quang	Trưởng ban	11/06/2019	
Bà Đỗ Thị Thanh Bé	Thành viên	11/06/2019	
Ông Nguyễn Tri Thiện	Thành viên	11/06/2019	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Tổng Giám đốc	12/06/2019	
Ông Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	28/06/2019	
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	28/08/2020	
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Kế toán trưởng	28/06/2019	

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



ĐẶNG QUÝ

Chủ tịch HĐQT

Huế, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Số: 28/2023/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		219.989.897.642	206.694.269.873
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	21.719.361.132	21.267.627.405
111	1. Tiền		16.619.354.386	21.267.627.405
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.100.006.746	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	100.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102.250.399.890	85.400.100.454
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	47.259.408.530	56.741.480.232
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	21.859.984.810	20.085.687.943
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	46.395.779.575	21.780.715.195
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(13.264.773.025)	(13.207.782.916)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	94.828.974.321	97.622.314.075
141	1. Hàng tồn kho		101.490.734.420	104.838.575.365
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(6.661.760.099)	(7.216.261.290)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.191.162.299	2.304.227.939
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	253.093.896	662.455.780
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		938.068.403	1.639.009.159
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	-	2.763.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.196.054.335	26.125.373.033
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		349.305.944	340.369.665
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.4b	349.305.944	340.369.665
220	II. Tài sản cố định		17.455.864.239	19.732.959.561
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	17.455.864.239	19.732.959.561
222	- Nguyên giá		105.380.839.935	105.380.839.935
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(87.924.975.696)	(85.647.880.374)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		100.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.8	100.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.290.884.152	6.052.043.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	7.290.884.152	6.052.043.807
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		245.185.951.977	232.819.642.906

CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		211.742.660.391	199.216.882.793
310	I. Nợ ngắn hạn		211.422.837.367	199.206.640.474
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	77.692.500.856	77.545.345.439
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	52.579.520.896	44.943.493.885
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	10.317.018.175	8.074.891.919
314	4. Phải trả người lao động	V.13	6.703.871.840	4.498.834.528
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	6.284.477.581	2.849.843.756
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	12.502.103.173	12.442.210.064
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	44.983.098.424	48.684.778.547
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.17a	198.936.157	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	161.310.265	167.242.336
330	II. Nợ dài hạn		319.823.024	10.242.319
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.15b	10.242.319	10.242.319
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	V.17b	309.580.705	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		33.443.291.586	33.602.760.113
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	33.443.291.586	33.602.760.113
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		27.355.000.000	27.355.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		27.355.000.000	27.355.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(126.000.000)	(126.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.247.125.283	4.247.125.283
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		945.955.533	945.955.533
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.021.210.770	1.180.679.297
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		105.186.368	116.954.679
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		916.024.402	1.063.724.618
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		245.185.951.977	232.819.642.906

Tp. Huế, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẬU

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	157.649.739.196	149.966.641.675
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		157.649.739.196	149.966.641.675
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	138.624.893.720	132.105.791.813
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.024.845.476	17.860.849.862
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	149.532.736	273.476.199
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.702.562.378	4.985.774.963
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.702.562.378	4.985.774.963
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	3.176.468.555	2.811.488.709
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	8.328.685.659	8.099.887.036
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.966.661.620	2.237.175.353
31	11. Thu nhập khác		-	2.763.000
32	12. Chi phí khác	VI.7	1.447.704.894	864.134.365
40	13. Lợi nhuận khác		(1.447.704.894)	(861.371.365)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.518.956.726	1.375.803.988
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	602.932.324	312.079.370
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		916.024.402	1.063.724.618
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	301	346
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	301	346

Tp. Huế, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN VĂN HẬU

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.518.956.726	1.375.803.988
	2. Điều chỉnh cho các khoản			-
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7	2.277.095.322	2.506.368.195
03	- Các khoản dự phòng	V.5, V.6	(497.511.082)	2.652.464.871
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(149.532.736)	(273.476.199)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	4.702.562.378	4.985.774.963
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.851.570.608	11.246.935.818
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.195.084.237)	(8.073.945.893)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.347.840.945	(2.061.862.914)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		15.467.363.908	17.778.236.996
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(829.478.461)	(910.226.893)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.412.990.910)	(4.681.089.593)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(263.252.908)	(461.417.221)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(124.000.000)	(190.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.841.968.945	12.645.730.300
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(200.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	100.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3, V.4a	132.094.905	273.476.199
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		132.094.905	173.476.199
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	113.659.816.759	107.544.217.035
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(117.361.496.882)	(116.738.152.727)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V15a, V19	(820.650.000)	(1.230.975.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.522.330.123)	(10.424.910.692)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		451.733.727	2.394.295.807
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.267.627.405	18.873.331.598
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	21.719.361.132	21.267.627.405

Tp. Huế, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN VĂN HẬU

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất gạch, đá xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động xây dựng công trình của Công ty thường kéo dài trên 12 tháng.

Các hoạt động khác chu kỳ kinh doanh thường không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc công ty

Công ty có 7 đơn vị trực thuộc, các đơn vị này hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 3;
- Xí nghiệp Thi công Cầu.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 139 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 139 nhân viên).

7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí khai thác mỏ đá

Chi phí khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian thực tế trên giấy phép khai thác.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao
Tài sản cố định khác	15

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị ghi sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động bất động sản đầu tư gồm có chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc cho giai đoạn từ ngày và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.978.125.536	19.414.319.875
Tiền gửi ngân hàng	6.641.228.850	1.853.307.530
Các khoản tương đương tiền (*)	5.100.006.746	-
Cộng	<u>21.719.361.132</u>	<u>21.267.627.405</u>

Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	5.100.006.746	-
Số cuối năm	<u>5.100.006.746</u>	<u>-</u>

Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đang được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Xem Thuyết minh số V.16)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	47.259.408.530	56.741.480.232
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh TT Huế	3.157.299.000	8.122.806.000
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh Quảng Trị	1.055.066.000	1.748.929.000
- Các đối tượng khác	43.047.043.530	46.869.745.232
Cộng	<u>47.259.408.530</u>	<u>56.741.480.232</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	21.859.984.810	20.085.687.943
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thùỳ Tân	625.821.847	-
- Công ty TNHH Hùng Khòì	925.195.400	-
- Các đối tượng khác	20.308.967.563	20.085.687.943
Cộng	21.859.984.810	20.085.687.943

4. Phải thu ngắn và dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.613.949.350	-	913.486.199	-
Tại văn phòng Công ty	920.036.325	-	34.753.962	-
- <i>Phải thu nhân viên về bảo hiểm, thuế TNCN</i>	31.103.992	-	34.753.962	-
- <i>Lãi dự thu</i>	17.437.831	-	-	-
- <i>BQL DA ĐT XD Quỹ đất huyện Hải Lăng</i>	330.500.000	-	-	-
- <i>Trung tâm Phát triển quỹ đất A Lưới</i>	116.834.624	-	-	-
- <i>Trung tâm cụm công nghiệp Hải Chánh</i>	110.000.000	-	-	-
- <i>Các đối tượng khác</i>	314.159.878	-	-	-
Tại XN Xây dựng Giao thông 1	152.799.999	-	257.725.797	-
Tại NM Gạch Tuynen Hải Lăng	68.345.331	-	185.083.039	-
- <i>Đoàn phí công đoàn</i>	68.345.331	-	115.083.039	-
- <i>Ký quỹ, ký cược</i>	-	-	70.000.000	-
Tại Chi nhánh Quảng Trị	179.671.628	-	118.102.293	-
Các đối tượng khác	293.096.067	-	317.821.108	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	44.781.830.225	(7.574.801.776)	20.867.228.996	(7.517.811.667)
Cộng	46.395.779.575	(7.574.801.776)	21.780.715.195	(7.517.811.667)

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	349.305.944	-	340.369.665	-
Cộng	349.305.944	-	340.369.665	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	13.264.773.025	13.207.782.916
Cộng	<u>13.264.773.025</u>	<u>13.207.782.916</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.207.782.916	9.986.017.515
Trích lập dự phòng	56.990.109	3.221.765.401
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>13.264.773.025</u>	<u>13.207.782.916</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.114.712.913	-	4.827.959.978	-
Công cụ, dụng cụ	38.934.413	-	46.055.508	-
Chi phí SXKD dở dang	70.565.376.763	-	67.937.283.239	-
Thành phẩm	27.740.952.585	(6.661.760.099)	31.921.325.803	(7.216.261.290)
Hàng hóa	30.757.746	-	105.950.837	-
Cộng	<u>101.490.734.420</u>	<u>(6.661.760.099)</u>	<u>104.838.575.365</u>	<u>(7.216.261.290)</u>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình Đường Tỉnh Lộ 10 Phú Mỹ Thuận An	4.163.857.255	4.456.069.053
Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn Tây Đông Hà	3.727.272.355	3.805.272.355
Công trình đường Trần Nguyên Hãn	1.142.117.423	-
Công trình Phúc Lạc Viên, Huế	1.398.419.700	-
Công trình Trường ĐakRông 2	-	2.266.547.018
Công trình Đường 49C Hải Lăng-Ban Bảo Tri	-	1.274.204.131
Các công trình khác	60.133.710.030	56.135.190.682
Cộng	<u>70.565.376.763</u>	<u>67.937.283.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	19.805.601.273	74.901.241.980	9.112.989.234	1.349.256.081	211.751.367	105.380.839.935
Phân loại lại	535.105.337	(1.321.349.680)	817.789.798	(31.545.455)	-	-
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	20.340.706.610	73.579.892.300	9.930.779.032	1.317.710.626	211.751.367	105.380.839.935
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	665.129.115	7.319.988.314	8.791.187.776	1.317.710.626	142.327.273	18.236.343.104
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.445.315.063	65.528.568.629	9.112.989.234	1.349.256.081	211.751.367	85.647.880.374
Phân loại lại	178.008.736	(608.113.879)	470.907.208	(31.545.455)	(9.256.610)	-
Khấu hao trong năm	787.958.327	1.313.021.900	171.486.827	-	4.628.268	2.277.095.322
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	10.411.282.126	66.233.476.650	9.755.383.269	1.317.710.626	207.123.025	87.924.975.696
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.360.286.210	9.372.673.351	-	-	-	19.732.959.561
Số cuối năm	9.929.424.484	7.346.415.650	175.395.763	-	4.628.342	17.455.864.239

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 15.416.324.332 đồng (Xem thuyết minh V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	100.000.000	100.000.000	-	-
Cộng	100.000.000	100.000.000	-	-

9. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.000.000	118.857.911
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	222.470.110	522.160.640
Chi phí khác chờ phân bổ	15.623.786	21.437.229
Cộng	253.093.896	662.455.780

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	662.455.780	500.643.257
Trình bày lại	(352.521.863)	-
Tăng trong năm	347.610.314	1.185.292.771
Phân bổ trong năm	(404.450.335)	(1.023.480.248)
Số dư cuối năm	253.093.896	662.455.780

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	118.166.527	623.521.373
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	963.608.597	550.451.192
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	807.298.978	250.777.992
Chi phí cấp phép khai thác mỏ, mở mỏ	5.073.367.946	4.624.764.250
Chi phí khác chờ phân bổ	328.442.104	2.529.000
Cộng	7.290.884.152	6.052.043.807

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.052.043.807	5.303.629.437
Trình bày lại	352.521.863	-
Tăng trong năm	3.531.977.799	2.986.303.218
Phân bổ trong năm	(2.645.659.317)	(2.237.888.848)
Số dư cuối năm	7.290.884.152	6.052.043.807

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	77.692.500.856	77.545.345.439
- Công ty CP Đầu tư XD và TM Quốc tế ICT	6.486.566.200	7.686.566.200
- Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Sao Việt	8.730.216.653	8.880.216.653
- Công ty CP TM XNK Vật tư Giao thông	3.097.101.500	3.290.704.400
- Công ty TNHH Vật liệu Kim Khí Sao Vàng	2.604.498.559	3.214.245.342
- Công ty TNHH XD & TM Trung Việt Phát	1.940.525.526	1.544.648.490
- Công ty TNHH Xây dựng Thuận Hóa	3.240.989.000	1.172.402.000
- Các đối tượng khác	51.592.603.418	51.756.562.354
Cộng	77.692.500.856	77.545.345.439

11. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	52.579.520.896	44.943.493.885
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh TT Huế	4.908.897.956	13.399.845.956
- Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà	12.800.000.000	-
- Ban QLDA ĐTXD Quỹ đất Hải Lăng	12.658.803.000	-
- Các đối tượng khác	22.211.819.940	31.543.647.929
Cộng	52.579.520.896	44.943.493.885

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.944.814.096	-	2.028.373.093	2.559.992.291	2.413.194.898	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	263.252.908	-	602.932.324	263.252.908	602.932.324	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.519.491	-	74.273.208	53.935.372	27.857.327	-
Thuế tài nguyên	1.001.172.701	-	1.500.593.521	775.433.500	1.726.332.722	-
Thuế nhà đất	1.646.749.264	2.763.000	318.432.359	173.595.124	1.788.823.499	-
Các loại thuế khác	-	-	7.720.968	7.408.128	312.840	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.211.383.459	-	2.147.857.765	601.676.659	3.757.564.565	-
Cộng	8.074.891.919	2.763.000	6.680.183.238	4.435.293.982	10.317.018.175	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%. Riêng đối với hoạt động xây dựng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% cho giai đoạn trước ngày 01/02/2022. Bắt đầu từ ngày 01/02/2022 Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.518.956.726	1.375.803.988
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	1.495.704.894	504.573.926
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.495.704.894	823.334.366
+ <i>Phạt chậm nộp thuế, hành chính</i>	1.410.904.894	823.334.366
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	84.800.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	318.760.440
+ <i>Giảm lợi nhuận công trình đã đưa vào tính thuế năm trước theo biên bản Kiểm toán Nhà nước</i>	-	65.263.991
+ <i>Giảm lợi nhuận do tính toán lại phân bổ chi phí trả trước theo biên bản Kiểm toán Nhà nước</i>	-	253.496.449
Thu nhập chịu thuế	3.014.661.620	1.880.377.914
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	3.014.661.620	1.880.377.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	602.932.324	376.075.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP	-	112.822.675
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	602.932.324	263.252.908
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước	-	48.826.462
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	602.932.324	312.079.370

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	6.703.871.840	4.498.834.528
Cộng	<u>6.703.871.840</u>	<u>4.498.834.528</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	281.062.929	-
Trích trước chi phí thi công công trình	6.003.414.652	2.849.843.756
Cộng	<u>6.284.477.581</u>	<u>2.849.843.756</u>

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	12.502.103.173	12.442.210.064
- Kinh phí công đoàn	238.009.033	272.232.676
- BHXH, BHYT, BHTN	4.641.686.491	5.031.416.725
- Phải trả về cổ phần hóa	3.219.226.893	3.219.226.893
- Cổ tức phải trả	1.056.241.920	919.466.920
- Lãi vay phải trả	1.530.382.913	1.521.874.374
- Phụ cấp, kinh phí Đảng bộ	70.011.000	-
- Tạm ứng (Dư có)	485.412.968	519.223.683
- Đoàn phí công đoàn	492.309.266	293.892.705
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và thuê đất Công ty 368 trả hộ	423.790.061	423.790.061
- Các khoản khác	345.032.628	241.086.027
Cộng	<u>12.502.103.173</u>	<u>12.442.210.064</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	10.242.319	10.242.319
Cộng	<u>10.242.319</u>	<u>10.242.319</u>

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn của bên liên quan	261.831.357	261.831.357	111.831.357	111.831.357
Vay cá nhân Phạm Văn Đức	183.085.067	183.085.067	33.085.067	33.085.067
Vay cá nhân Phạm Văn Minh	78.746.290	78.746.290	78.746.290	78.746.290
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	44.721.267.067	44.721.267.067	48.572.947.190	48.572.947.190
Vay ngắn hạn Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	44.193.385.724	44.193.385.724	48.424.065.847	48.424.065.847
Vay ngắn hạn của cá nhân khác	527.881.343	527.881.343	148.881.343	148.881.343
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	<u>44.983.098.424</u>	<u>44.983.098.424</u>	<u>48.684.778.547</u>	<u>48.684.778.547</u>

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/580064/HĐTD ngày 29/12/2022. Tổng hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán là 80.000.000.000 đồng, thời gian vay và lãi suất xác định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo tiền là toàn bộ nhà cửa, máy móc thiết bị thi công công trình (Xem Thuyết minh số V.7) và khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng (Xem Thuyết minh số V.1)
- Vay ngắn hạn các cá nhân theo từng hợp đồng vay ngắn hạn. Lãi suất vay dao động từ 5% đến 10% tùy từng hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

17. Dự phòng phải trả**17a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	198.936.157	-
Cộng	<u>198.936.157</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17b. Dự phòng phải trả dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	309.580.705	-
Cộng	309.580.705	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	167.242.336	118.067.929	(124.000.000)	161.310.265
Cộng	167.242.336	118.067.929	(124.000.000)	161.310.265

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	1.041.782.977	33.463.863.793
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.063.724.618	1.063.724.618
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(104.178.298)	(104.178.298)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(820.650.000)	(820.650.000)
Số dư cuối năm trước	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	1.180.679.297	33.602.760.113
Số dư đầu năm nay	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	1.180.679.297	33.602.760.113
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	916.024.402	916.024.402
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(118.067.929)	(118.067.929)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(957.425.000)	(957.425.000)
Số dư cuối năm nay	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	1.021.210.770	33.443.291.586

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Ông Phạm Văn Đức	6.588.650.000	24,09%	6.588.650.000	24,09%
Vốn góp của Ông Nguyễn Đăng Bảo	3.739.800.000	13,67%	3.739.800.000	13,67%
Vốn góp của Ông Trần Chính	2.921.630.000	10,68%	2.921.630.000	10,68%
Vốn góp của Bà Ngô Thị Lệ Hương	1.655.040.000	6,05%	1.655.040.000	6,05%
Vốn góp của Ông Đặng Quý	1.556.830.000	5,69%	1.556.830.000	5,69%
Vốn góp của các cổ đông khác	10.893.050.000	39,82%	10.893.050.000	39,82%
Cộng	27.355.000.000	100,00%	27.355.000.000	100,00%

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.355.000.000	27.355.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.355.000.000	27.355.000.000
- Cổ tức đã chia	957.425.000	820.650.000

19d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.735.500	2.735.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu thường	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu thường	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

19e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số 01-NQ/ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 3,5% vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 957.425.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu với bên liên quan	-	-
Doanh thu với các đối tượng khác	157.649.739.196	149.966.641.675
Doanh thu xây lắp	112.512.617.863	108.901.022.972
Doanh thu bán VLXD, cho thuê thiết bị,....	45.137.121.333	41.065.618.703
Cộng	157.649.739.196	149.966.641.675

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn xây lắp	101.675.034.322	98.173.292.064
Giá vốn VLXD, cho thuê thiết bị,....	37.504.360.589	34.501.800.279
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(554.501.191)	(569.300.530)
Cộng	138.624.893.720	132.105.791.813

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	149.532.736	273.476.199
Cộng	149.532.736	273.476.199

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.702.562.378	4.985.774.963
Cộng	4.702.562.378	4.985.774.963

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.288.320.051	1.400.406.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	491.339.392	156.206.832
Các khoản khác	1.396.809.112	1.254.875.813
Cộng	3.176.468.555	2.811.488.709

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.986.067.823	3.873.637.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.336.683	176.566.074
Chi phí dự phòng	56.990.109	3.221.765.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.304.952.279	344.909.206
Chi phí khác	2.803.338.765	483.008.638
Cộng	<u>8.328.685.659</u>	<u>8.099.887.036</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	1.410.904.894	824.234.365
Chi phí khác	36.800.000	39.900.000
Cộng	<u>1.447.704.894</u>	<u>864.134.365</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	916.024.402	1.063.724.618
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(91.602.440)	(118.067.929)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(91.602.440)	(118.067.929)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	824.421.962	945.656.689
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.735.500	2.735.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>301</u>	<u>346</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/DHĐCĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.735.500	2.735.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	2.735.500	2.735.500

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	824.421.962	945.656.689
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	824.421.962	945.656.689
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.735.500	2.735.500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	301	346

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.882.216.139	72.822.913.873
Chi phí nhân công	19.595.905.385	18.615.499.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.277.095.322	2.506.368.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.198.549.977	35.836.580.855
Chi phí khác	6.121.512.499	9.580.544.202
Cộng	149.075.279.322	139.361.906.789

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	113.659.816.759	107.544.217.035
Cộng	113.659.816.759	107.544.217.035

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	117.361.496.882	116.738.152.727
Cộng	117.361.496.882	116.738.152.727

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2022			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đặng Quý	Chủ tịch HĐQT	120.100.000	24.000.000	54.489.050	198.589.050
2	Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	341.300.000	30.000.000	130.893.000	502.193.000
3	Phạm Văn Đức	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	230.602.750	254.602.750
4	Trần Chính	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	102.257.050	126.257.050
5	Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	179.500.000		6.346.200	185.846.200
6	Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	200.500.000		12.250.000	212.750.000
7	Nguyễn Thanh Nhật	Thư ký HĐQT	134.000.000	18.000.000	3.339.350	155.339.350
8	Trần Quang	Trưởng Ban kiểm soát	188.300.000	24.000.000	4.383.050	216.683.050
9	Nguyễn Tri Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	101.500.000	18.000.000	4.055.100	123.555.100
10	Đỗ Thị Thanh Bé	Thành viên Ban kiểm soát	95.000.000	18.000.000	6.945.400	119.945.400
11	Ngô Thị Lệ Hương	Nguyên chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng	179.500.000	36.000.000	57.926.400	273.426.400
	Tổng cộng		1.539.700.000	216.000.000	613.487.350	2.369.187.350

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Ngô Thị Lệ Hương	Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng	169.500.000	36.000.000	74.476.800	279.976.800
2	Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	214.500.000	30.000.000	168.291.000	412.791.000
3	Phạm Văn Đức	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	296.489.250	320.489.250
4	Trần Chính	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	131.473.350	155.473.350
5	Đặng Quý	Thành viên HĐQT	102.519.000	24.000.000	70.057.350	196.576.350
6	Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	168.000.000	-	8.159.400	176.159.400
7	Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	182.500.000	-	15.750.000	198.250.000
8	Nguyễn Thanh Nhật	Thư ký HĐQT	126.984.127	18.000.000	3.168.450	148.152.577
9	Trần Quang	Trưởng Ban kiểm soát	93.009.054	24.000.000	5.635.350	122.644.404
10	Nguyễn Tri Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	93.321.346	18.000.000	5.213.700	116.535.046
11	Đỗ Thị Thanh Bé	Thành viên Ban kiểm soát	44.994.015	18.000.000	8.929.800	71.923.815
	Tổng cộng		1.195.327.542	216.000.000	787.644.450	2.198.971.992

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan có giao dịch gồm:*

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Phạm Văn Đức	Thành viên HĐQT
Phạm Văn Minh	Người có quan hệ thân thuộc với thành viên HĐQT

Giao dịch các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác phát sinh trong năm gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạm Văn Đức		
Vay phát sinh trong năm	1.000.000.000	1.300.000.000
Trả nợ vay trong năm	850.000.000	1.650.000.000
Chi phí lãi vay	365.560.015	365.560.015

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phạm Văn Đức		
Vay ngắn hạn	183.085.067	33.085.067
Lãi vay phải trả	1.530.382.913	1.384.192.913
Phạm Văn Minh		
Vay ngắn hạn	78.746.290	78.746.290

2. Báo cáo bộ phận*Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	112.512.617.863	45.137.121.333	-	157.649.739.196
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.512.617.863	45.137.121.333	-	157.649.739.196
Giá vốn bộ phận	101.675.034.322	36.949.859.398	-	138.624.893.720
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.837.583.541	8.187.261.935	-	19.024.845.476

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.901.022.972	41.065.618.703	-	149.966.641.675
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.901.022.972	41.065.618.703	-	149.966.641.675
Giá vốn bộ phận	98.173.292.064	33.932.499.749	-	132.105.791.813
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.727.730.908	7.133.118.954	-	17.860.849.862

Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng, Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022 so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu so sánh trên BCTC	Số liệu so sánh trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	350	346	4
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	350	346	4

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Huế, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG BẢO

